

Chi tiết mã HS 7019.12.00

Mã HS	7019.12.00
Mô tả hàng hóa	Sợi thủy tinh (kể cả len thủy tinh) và các sản phẩm của nó (ví dụ, sợi xe (yarn), sợi thô, vải dệt thoi) / - Cúi sợi (sliver), sợi thô, sợi xe (yarn) và sợi bện đã cắt đoạn và chiếu (mat) làm từ chúng: / - - Sợi thô
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	01/11/2026 03:15:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70191200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10564
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10564
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10564
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10055
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10006
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10006
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10006
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10006
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10006
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10006
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10058
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10058

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10058
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10058
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10058
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10058
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10059
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10059
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10059
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10059
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10059
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10059
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10060
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10012
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10018
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10018
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10018
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10018
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10018
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10018
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10043
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10043
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10043
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10043
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10043
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10043
VCFTA	2022	2022	3	VC!D10090
VCFTA	2023	2023	3	VC!E10090

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10090
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10090
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10090
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10090
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10081
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10081
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10081
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10081
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10081
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10081
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10081
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10081
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10081
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10081
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10081
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10081
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10092
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10092
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10092
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10092
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10092
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10092
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10091
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10091
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10091
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10091

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10091
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10091
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10038
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10038
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10038
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10038
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10038
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10038
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10038
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10075
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10075
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10075
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10075
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10075
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10075
RCEP B	2022	2022	0	B!D10075
RCEP B	2023	2023	0	B!E10075
RCEP B	2024	2024	0	B!F10075
RCEP B	2025	2025	0	B!G10075
RCEP B	2026	2026	0	B!H10075
RCEP B	2027	2027	0	B!I10075
RCEP C	2022	2022	0	C!D10075
RCEP C	2023	2023	0	C!E10075
RCEP C	2024	2024	0	C!F10075
RCEP C	2025	2025	0	C!G10075
RCEP C	2026	2026	0	C!H10075

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10075
RCEP D	2022	2022	0	D!D10074
RCEP D	2023	2023	0	D!E10074
RCEP D	2024	2024	0	D!F10074
RCEP D	2025	2025	0	D!G10074
RCEP D	2026	2026	0	D!H10074
RCEP D	2027	2027	0	D!I10074
RCEP E	2022	2022	0	E!D10078
RCEP E	2023	2023	0	E!E10078
RCEP E	2024	2024	0	E!F10078
RCEP E	2025	2025	0	E!G10078
RCEP E	2026	2026	0	E!H10078
RCEP E	2027	2027	0	E!I10078
RCEP F	2022	2022	0	F!D10075
RCEP F	2023	2023	0	F!E10075
RCEP F	2024	2024	0	F!F10075
RCEP F	2025	2025	0	F!G10075
RCEP F	2026	2026	0	F!H10075
RCEP F	2027	2027	0	F!I10075
VIFTA	2024	2024	2.6	VII!F9311
VIFTA	2025	2025	2.1	VII!G9311
VIFTA	2026	2026	1.7	VII!H9311
VIFTA	2027	2027	1.3	VII!!9311

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7019.12.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 7019.12.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10564), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.